

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HC-ST

Ngày: 09 - 6 - 2023

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và
yêu cầu bồi thường thiệt hại
do sự cố môi trường Biển 2016*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tuyền;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2023/TLST-HC ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển 2016*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 5 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HC ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1963; địa chỉ: đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023), có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1 - Ủy ban nhân dân huyện V; địa chỉ: đường H, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị (Quyết định ủy quyền số 465/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện V), vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V; địa chỉ: đường H, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện V và Chủ tịch UBND huyện V theo Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 15/5/2023:

- + Ông Nguyễn Đình L – Trưởng phòng NN và PTNT huyện V, có mặt.
- + Ông Nguyễn Đức Tr – Trưởng phòng Tư pháp huyện V, có mặt.

2.3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; địa chỉ: Số H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 08/6/2023:

- + Ông Nguyễn Hữu V - Phó Giám đốc Sở NN và PTNT tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- + Ông Nguyễn C – Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- + Ông Văn Đức D – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản, có mặt.
- + Ông Nguyễn Lương Ch – Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- + Bà Đào Thị H – Phó Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, có mặt.
- + Ông Lê Quốc D – Phó Chi cục trưởng Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế, có mặt.
- + Ông Lê Ngọc T – Phó Trưởng phòng Tài chính, hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2023; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị X trình bày như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn của Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo UBND huyện V tiến hành kiểm tra, thống kê thiệt hại để đền bù thiệt hại lô hàng tằm ướp lưu kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển Fomosa 2016 cho cơ sở kinh doanh hàng thủy hải sản của bà Trần Thị X theo đúng trình tự và đã báo cáo thiệt hại ra Trung ương ngày 22/4/2017, với tổng số lượng lô hàng kiểm đếm của hộ bà X gồm có 2.200 kg mắm chộp, 14.257 kg ruốc và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí chi trả bồi thường, được Bộ Tài chính cấp tiền để tỉnh Quảng Trị chi trả cho bà X từ năm 2017.

Tuy nhiên, do thực hiện không đúng văn bản chỉ đạo nên UBND tỉnh Quảng Trị và UBND huyện V đã từ chối không chi trả đúng và đầy đủ cho bà X, buộc bà X phải khiếu nại từ năm 2017 đến nay.

Đến tháng 9/2021, UBND huyện V mới phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà X theo Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện V. Tuy nhiên, số kinh phí này không đúng với số thiệt hại thực tế của gia đình bà X. Vì vậy, bà X đã

khieu nại và được Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 (lần 02); nội dung các Quyết định giải quyết khiếu nại này đã từ chối việc bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước đối với các cá nhân, tổ chức đã thực hiện sai trong công tác chi trả bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển Fomosa 2016 và cũng không bồi thường giá trị lô hàng thực tế đã bị tiêu hủy của bà X.

Vì vậy, bà Trần Thị X làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết, tuyên hủy các Quyết định hành chính sau:

* - Hủy một phần Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt hỗ trợ bồi thường kinh phí cho cơ sở kinh doanh hàng thủy hải sản của bà Trần Thị X tại thị trấn C và xã V, có hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển Fomosa năm 2016;

- Hủy Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị X;

- Hủy Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần hai).

* Buộc Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị phê duyệt kinh phí chi trả tiền bồi thường giá trị thực tế của lô hàng của bà X, cụ thể như sau:

- Mắm chượp: $2.200 \text{ kg} \times 30.000 \text{ đồng/kg} = 66.000.000 \text{ đồng}$.

- Ruốc: $14.257 \text{ kg} \times 100.000 \text{ đồng/kg} = 1.425.700.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: **1.491.700.000 đồng** (một tỷ bốn trăm chín mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng).

* Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường thiệt hại do thực hiện các quyết định hành chính không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Tiền lãi do không sử dụng đồng vốn của giá trị lô hàng từ năm 2016 đến nay: 963.339.860 đồng;

- Phí lưu kho do UBND huyện V không kịp thời xử lý theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ từ năm 2016 đến thời điểm đem hàng đi tiêu hủy: $135.000 \text{ đồng} \times 52 \text{ tháng} \times 16,257 \text{ tấn} = 114.124.140 \text{ đồng}$;

- Tiền ảnh hưởng về tinh thần và sức khỏe trong 6 năm đi khiếu nại: 20.000.000 đồng;

- Chi phí in ấn tài liệu trong 6 năm đi khiếu nại: 20.000.000 đồng;

- Chi phí đi lại khiếu nại từ Trung ương đến địa phương trong 6 năm: 72.000.000 đồng;

Tổng cộng: **1.189.463.000 đồng** (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

Tại phiên tòa, người khởi kiện rút yêu cầu về việc “*Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Q bồi thường thiệt hại do thực hiện các quyết định hành chính không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 1.189.463.000 đồng*”.

2. Theo văn bản trình bày ý kiến số 296/UBND-NN ngày 07/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của người bị kiện là UBND huyện V và Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

Những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hủy các quyết định hành chính, người bị kiện có ý kiến như sau:

Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện V (liên quan đến cơ sở kinh doanh của bà X) và Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện V về giải quyết khiếu nại lần đầu (đối với khiếu nại của bà X) là thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đối tượng, định mức hỗ trợ theo quy định, nên UBND huyện V không đồng ý hủy các Quyết định này. Hàng hải sản của bà X thuộc trường hợp “tạm trữ để tiêu thụ” nên chỉ được hỗ trợ, bồi thường 30% giá trị lô hàng (nếu thuộc trường hợp “tạm trữ để tiêu hủy” mới được hỗ trợ, bồi thường 100% giá trị lô hàng – theo quy định tại điểm 7.2 Mục 7 tại Bảng định mức bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển 4 tỉnh miền trung (Ban hành theo Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

Đối với nội dung yêu cầu UBND huyện V phải phê duyệt kinh phí chi trả tiền bồi thường giá trị thực tế của lô hàng, cụ thể: Mắm chượp: 2.200 kg x 30.000 đồng/kg = 66.000.000 đồng và Ruốc: 14.257 kg x 100.000 đồng/kg = 1.425.700.000 đồng; Tổng cộng 1.491.700.000 đồng. Người bị kiện có ý kiến như sau: Việc tiêu hủy đối với các mặt hàng hải sản tẩm ướp của hộ bà Trần Thị X, Hội đồng tiêu hủy đã lập thành biên bản vào ngày 12/4/2021. Khối lượng tiêu hủy đối với mặt hàng Mắm chượp trên thực tế là 2.191 kg (đã trừ bì), Ruốc là 14.200 kg (đã trừ bì) chứ không phải khối lượng Mắm chượp là 2.200kg và Ruốc là 14.257kg như trong đơn bà X yêu cầu.

Việc UBND huyện V ban hành Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt hỗ trợ bồi thường đã được các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khiếu nại và công nhận là đúng, nên yêu cầu chi trả tiền bồi thường nói trên của bà Trần Thị X là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của bà Trần Thị X.

Đối với nội dung buộc Chủ tịch UBND tỉnh Q bồi thường thiệt hại do việc thực hiện không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tổng số tiền là 1.189.463.000 đồng. Tại phiên tòa, người khởi kiện đã rút yêu cầu này nên không đặt vấn đề xem xét.

Căn cứ hiệu lực pháp luật của Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Trần Thị X, ngày 01/6/2022, UBND huyện V đã có tờ trình số 935/TTr-UBND về việc thẩm định phê duyệt và hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở kinh doanh tại thị trấn C và xã V có hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển năm 2016 (trong đó có bà Trần Thị X).

Ngày 08/9/2022, UBND tỉnh Q đã ban hành quyết định số 2326/QĐ-UBND về việc tạm cấp kinh phí thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển tại huyện V. UBND huyện đã có công văn số 1713/UBND-NN ngày 23/9/2022 về việc cung cấp thông tin để thực hiện chi trả hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển. Tuy nhiên, theo báo cáo số 68/BC-UBND ngày 26/9/2022 của UBND thị trấn C, bà Trần Thị X chưa cung cấp các thông tin đầy đủ để thực hiện việc chi trả kinh phí (do bà X không đồng ý với mức kinh phí được phê duyệt).

Mặt khác, thời điểm xảy ra sự cố môi trường biển chưa có văn bản hướng dẫn về đối tượng thiệt hại và trình tự thực hiện thủ tục đền bù, hỗ trợ cho đối tượng hàng hải sản tồn kho thuộc nhóm hải sản tầm ướt. Sau khi có văn bản số 4725/BNN-TCTS ngày 15/7/2020 của Bộ nông nghiệp và PTNT về xử lý hàng hải sản tồn kho thuộc nhóm hải sản tầm ướt, ngày 04/8/2020, UBND tỉnh Q có Công văn số 3539/UBND-NN về việc xử lý hàng hải sản tồn kho thuộc nhóm hải sản tầm ướt, nên ngày 06/8/2020, UBND huyện V có Công văn số 1218/UBND-NN về việc xử lý hàng thủy hải sản tồn kho thuộc nhóm hải sản tầm ướt để chỉ đạo UBND các xã, thị trấn có các cơ sở kinh doanh hàng hải sản tồn kho thuộc nhóm hải sản tầm ướt tổ chức kiểm tra, rà soát các cơ sở đủ điều kiện để tiến hành các thủ tục đền bù, hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên, đối chiếu theo các quy định của Nhà nước, UBND huyện V đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

3. Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị: Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia phiên đối thoại.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án hành chính:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn sơ thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 ; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 1, 2 Điều 158; điểm b khoản 1 Điều 168; khoản 2 Điều 173; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện;

- Hủy một phần Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND huyện V về việc phê duyệt hỗ trợ bồi thường cho các cơ sở kinh doanh tại thị trấn C và xã Vĩnh Giang có hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển năm 2016 có liên quan đối với cơ sở kinh doanh của bà Trần Thị X;

- Hủy Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần hai).

- Kiến nghị UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị phê duyệt kinh phí chi trả tiền bồi thường 100% giá trị thực tế của lô hàng: Mắm chộp 2.191kg x 20.000 đồng = 43.820.000 đồng; Ruốc 14.200kg x 100.000 đồng = 1.420.000.000 đồng. Tổng cộng: **1.463.820.000 đồng.**

- Đình chỉ đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường thiệt hại do thực hiện các quyết định hành chính không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ do người khởi kiện rút yêu cầu này tại phiên tòa xét xử, với tổng số tiền yêu cầu bồi thường **1.189.463.000 đồng.**

Về Án phí: UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của người khởi kiện, người bị kiện, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên, do người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị vắng mặt nên không thể đối thoại được, Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện:

Bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt hỗ trợ bồi

thường cho các cơ sở kinh doanh tại thị trấn C và xã V có hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển năm 2016 (liên quan đến cơ sở kinh doanh của bà X); Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần đầu); Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần hai).

Buộc UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị phê duyệt kinh phí chi trả tiền bồi thường giá trị thực tế của lô hàng: Tổng cộng số tiền: **1.491.700.000 đồng**.

Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường thiệt hại do thực hiện các quyết định hành chính không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tổng số tiền là: **1.189.463.000 đồng**.

Đây là các Quyết định hành chính và giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính mà người khởi kiện cho rằng đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, nên Quyết định hành chính này là đối tượng khởi kiện trong vụ án và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 7 và khoản 3, 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/01/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 120/QĐ-UBND; ngày 12/01/2023 bà Trần Thị X nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, đơn khởi kiện của bà X vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện .

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét yêu cầu của người khởi kiện:

Người khởi kiện không đồng ý đối với Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND huyện V về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí bồi thường cho các cơ sở kinh doanh tại thị trấn C và xã Vĩnh Giang có hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển năm 2016 liên quan đến cơ sở kinh doanh của bà X, về hỗ trợ bồi thường đối tượng chung loại: Mắm chượp: 2.200 kg và Ruốc: 14.257 kg. Người khởi kiện không đồng ý về việc xác định mức hỗ trợ đối bồi thường đối với hàng hải sản bị tiêu hủy với định mức 30% của hàng hải sản bị tiêu hủy, mà phải bồi thường với định mức 100% của hàng hải sản thực tế bị tiêu hủy theo quy định, và người khởi kiện cho rằng: UBND huyện áp dụng sai định mức bồi thường, đồng thời đề nghị áp giá đối với mặt hàng Mắm chộp thành phẩm là 30.000 đồng/kg (*Giá 30.000đ/kg là phù hợp với*

việc áp dụng mức giá tại địa bàn tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh; chứ không chấp nhận mức giá 20.000đ/kg).

Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND huyện V về việc phê duyệt hỗ trợ bồi thường kinh phí cho các cơ sở kinh doanh tại thị trấn C và xã Vĩnh Giang là 100% giá trị đối với hàng hải sản tằm ướp hư hỏng bị tiêu hủy, đồng thời đề nghị áp giá đối với mặt hàng Mắm chộp thành phẩm là 30.000 đồng/kg .

Hủy Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần đầu); Hủy Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần hai).

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cơ sở kinh doanh của bà Trần Thị X đã thu mua hàng hải sản tại vùng biển bị sự cố môi trường biển miền Trung trước ngày 30/8/2016.

Tại tờ trình số 220/TTr-UBND ngày 17/11/2020 của UBND thị trấn C về việc thẩm định khối lượng và thời gian thu mua hàng thủy hải sản tồn kho nhóm hàng tằm ướp của các cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển Fomosa. Trong đó, hộ bà Trần Thị X – Khu phố H, thị trấn C có khối lượng mắm chộp: 2.200 kg và Ruốc: 14.257 kg, thời gian thu mua hàng hải sản tồn kho theo bảng kê khai được thu mua trước ngày 30/8/2016.

Tại Biên bản làm việc ngày 18/4/2017 của các ban ngành (bút lục số 18, 19) gồm: UBND thị trấn C, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện V, Chi hội trưởng nông dân, Trưởng khu phố Q, Trưởng ban Chủ tịch mặt trận khu phố và ông Trịnh Xuân Th (chồng bà X), ý kiến của chủ cơ sở có ghi nội dung: “*Số nguyên liệu được mua để sản xuất từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2016; Số lượng sản phẩm trên vẫn đảm bảo an toàn, nhưng do sự cố môi trường nên không tiêu thụ được, đã ảnh hưởng đến việc sản xuất, kinh doanh của chủ cơ sở...*” . Thời điểm này không có cơ quan chuyên môn (ngành y tế - vệ sinh an toàn thực phẩm) tham gia để xác định là hàng thủy sản này có bị nhiễm độc phenol do sự cố môi trường biển hay không.

Tại Biên bản ngày 12/4/2021 về việc tiêu hủy hàng hải sản tằm ướp tồn kho bị hư hỏng, ảnh hưởng đến môi trường của bà Trần Thị X (bút lục số 15,16,17) có đầy đủ các cơ quan, ban ngành liên quan có nội dung: “*Chủ cơ sở bàn giao hải sản tiêu hủy, hư hỏng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho đơn vị thực hiện tiêu hủy với sự chứng giám của các đơn vị giám sát (Hội đồng) tiêu hủy*”. Đơn vị giám sát tiêu hủy

gồm có: Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Công an tỉnh, UBND huyện V, UBND thị trấn C, Đoàn biên phòng Cửa Tùng và đã thực hiện việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản Mắm chộp 2.200kg, Ruốc 14.257kg của cơ sở bà Trần Thị X (*Tiêu hủy theo quy trình như cách tiêu hủy hàng hải sản bị nhiễm độc do sự cố môi trường biển gây ra*).

Về khối lượng thực tế hàng hải sản của bà X bị tiêu hủy:

Việc tiêu hủy đối với các mặt hàng hải sản tẩm ướp của hộ bà Trần Thị X, Hội đồng tiêu hủy đã lập thành biên bản vào ngày 12/4/2021 (bút lục số 15,16,17). Khối lượng tiêu hủy đối với mặt hàng Mắm chộp trên thực tế là 2.191 kg (đã trừ bì), Ruốc là 14.200 kg (đã trừ bì) chứ không phải khối lượng Mắm chộp là 2.200kg và Ruốc là 14.257kg như trong đơn bà X yêu cầu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã làm rõ khối lượng hàng hải sản tẩm ướp đã bị tiêu hủy, người khởi kiện đã thống nhất và đồng ý khối lượng yêu cầu bồi thường giá trị lô hàng Mắm chộp là 2.191 kg, Ruốc là 14.200 kg.

Như vậy, hàng hải sản tẩm ướp “tạm trữ để tiêu thụ” (Mắm chộp là 2.191 kg, Ruốc là 14.200 kg) của cơ sở bà Trần Thị X đã bị tiêu hủy toàn bộ (đã tiêu hủy 100%) do không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và không tiêu thụ được do ảnh hưởng của sự cố môi trường biển Fomosa năm 2016. Bà X được phép tiêu thụ nhưng trên thực tế bà X không bán được (không tiêu thụ được), không có người mua vì khách hàng lo sợ hàng hải sản này bị nhiễm độc do sự cố môi trường biển gây ra. Và hàng hải sản của cơ sở bà X bị đổi màu, bốc mùi hôi thối do lâu ngày không tiêu thụ được (*cũng có thể do đã bị nhiễm độc phenol do sự cố môi trường biển gây ra*).

Tại Quyết định số 309/QĐ-TTG ngày 09/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển. Có định mức kèm theo quyết định thì tại mục 7.2 quy định “Hỗ trợ hàng hải sản tạm trữ để tiêu hủy là 100%”, nhưng UBND huyện V không chấp nhận yêu cầu chi trả tiền bồi thường nói trên của bà Trần Thị X là chưa đúng và chưa đảm bảo quyền lợi của người dân.

Mặt khác, hàng hải sản của cơ sở bà Trần Thị X chưa được cơ quan chức năng lấy mẫu để giám định xem có bị nhiễm chất độc do sự cố môi trường biển hay không nên chưa có cơ sở khẳng định là hàng hải sản này không bị nhiễm độc, đây là thiếu sót của cơ quan chức năng.

Do đó cần hủy một phần Quyết định 3920/QĐ-UBND ngày 06/9/2020 của UBND huyện V có liên quan đến cơ sở bà Trần Thị X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ do sự cố môi trường biển, và kiến nghị UBND huyện V xem xét bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định tại Mục 7.2 nói trên về định mức bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển 4 tỉnh Miền Trung (Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 09/3/2017 của Thủ tướng chính phủ) “*hỗ trợ hàng hải sản tạm trữ tiêu hủy*” là 100% cho bà Trần Thị X.

Đối với các Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần đầu), và Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần hai), do Quyết định số 3920/QĐ-UBND của UBND huyện V bị hủy một phần liên quan đến cơ sở kinh doanh của bà X, nên cần tuyên hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại nói trên.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện về áp giá đối với mặt hàng Mắm chộp 30.000 đồng/kg, Hội đồng xét xử thấy rằng:

UBND huyện V đã áp giá đúng về mặt hàng Mắm chộp, được áp dụng theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung định mức bồi thường, hỗ trợ tiêu thụ, tiêu hủy hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, ban hành kèm theo Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị. Mặt hàng Mắm chộp được áp dụng theo Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc bổ sung định mức bồi thường, hỗ trợ tiêu thụ, tiêu hủy hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là 20.000đồng/kg là có căn cứ; cụ thể: Mắm chộp 2.191kg x 20.000 đồng = 43.820.000 đồng; Ruốc 14.200kg x 100.000 đồng = 1.420.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền cần phê duyệt chi trả bồi thường cho bà X là: **1.463.820.000 đồng**. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu áp giá 30.000đ/ kg đối với hàng Mắm chộp của bà X.

Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường thiệt hại do thực hiện các quyết định hành chính không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, với tổng số tiền là **1.189.463.000 đồng** (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồng). Tại phiên tòa, người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu nêu trên. Việc rút nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện đã rút.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận, nên người bị kiện

phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 ; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 1, 2 Điều 158; điểm b khoản 1 Điều 168; khoản 2 Điều 173; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện;

- Hủy một phần Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND huyện V về việc phê duyệt hỗ trợ bồi thường kinh phí cho các cơ sở kinh doanh tại thị trấn C và xã Vĩnh Giang có hàng hải sản tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển năm 2016 có liên quan đối với cơ sở kinh doanh của bà Trần Thị X;

- Hủy Quyết định số 4618/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị X (lần hai).

- Kiến nghị UBND huyện V, tỉnh Quảng Trị phê duyệt kinh phí chi trả tiền bồi thường 100% giá trị thực tế của lô hàng: Mắm chộp 2.191kg x 20.000 đồng = 43.820.000 đồng; Ruốc 14.200kg x 100.000 đồng = 1.420.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền cần phê duyệt chi trả bồi thường cho bà X là: **1.463.820.000 đồng** (một tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu người khởi kiện rút tại phiên tòa, về việc buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị bồi thường thiệt hại do thực hiện các quyết định hành chính không đúng các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền yêu cầu (được rút) là: 1.189.463.000 đồng.

2. *Về Án phí:* UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị mỗi đương sự phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Trần Thị X được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000228 ngày 09/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. *Về Quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Luật